

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 21/12/2021.

V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình, bà Nguyễn Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bàn Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Bàn Thị L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 30 tháng 9 năm 2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Bàn Văn T trình bày.

Anh và chị Bàn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 06/7/2007 trên cơ sở tự nguyện, đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với bố mẹ anh T tại tiểu khu T, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống của hai anh chị không hợp. Mâu thuẫn của hai anh chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Anh và chị Bàn Thị L đã

sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Bàn Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bàn Thị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Bàn Văn Q, sinh ngày 03/3/2008 và Bàn Thị Mai L, sinh ngày 05/4/2011. Nguyên vọng của anh T xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản chung: Không có.

Vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh T tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với chị Bàn Thị L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L, đồng thời niêm yết công khai tại UBND nơi chị L sinh sống, nhưng chị L không tham gia nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyên vọng của chị về việc anh T xin ly hôn và việc người trực tiếp nuôi con, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử cho anh Bàn Văn T được ly hôn với chị Bàn Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Bàn Văn Q, sinh ngày 03/3/2008 và cháu Bàn Thị Mai L, sinh ngày 05/4/2011 cho anh Bàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Bàn Thị L không phải đóng góp tiền nuôi con cùng anh T do anh T không yêu cầu.

- Về án phí: Anh Bàn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Bàn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Bàn Thị L có địa chỉ tiểu khu T, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn chị Bàn Thị Lún đã được tổng đạt và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bàn Văn Thắng và chị Bàn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 06 tháng 7 năm 2007. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa anh T và chị L đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho anh Bàn Văn T ly hôn chị Bàn Thị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Bàn Thị L để lấy lời khai về việc nuôi con chung và các vấn đề khác, nhưng chị L đều không có mặt. Con chung của anh chị là Bàn Văn Q, sinh ngày 03/3/2008 và Bàn Thị Mai L, sinh ngày 05/4/2011, từ khi sống ly thân đến nay anh T vẫn trực tiếp

nuôi dưỡng cả hai cháu, hiện nay các cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng với bố, mức thu nhập bình quân của anh Thắng từ 05 triệu đến 07 triệu đồng/ tháng. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu, để các cháu phát triển trong điều kiện tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu của anh T. Xét thấy cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Chị L được đi lại thăm nom con, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Bàn Văn T xác định anh và chị L không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Bàn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Bàn Văn T được ly hôn với chị Bàn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Văn Q, sinh ngày 03/3/2008 và cháu Bàn Thị Mai L, sinh ngày 05/4/2011 cho anh Bàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bàn Thị L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, do anh T không yêu cầu.

3. Về án phí: Anh Bàn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0000510 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND TTNT Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà

